

Bản án số: 1399/2025/DS-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ H

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L1

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
- Bà Hoàng Thị Phương Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị B là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 –
Thành phố H.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố H tham gia
phiên tòa:** Ông Phạm Văn T – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 –
Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 681/2024/TLST-
DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 2404/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm
2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2965/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9
năm 2025, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: 266-268 đường NK, phường X(cũ là phường V, Quận Q), Thành
phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Cường, sinh năm: 1977;

Địa chỉ liên hệ: 266-268 đường NK, phường X(cũ là phường V, Quận Q),
Thành phố H.

(Theo Giấy ủy quyền số 1980/2024/UQ-TT.XLN ngày 06/11/2024).

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thanh X1, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: 139 Đường TTN01, khu phố 39, phường Đ(cũ là tổ 77, khu phố 7,
phường TN, Quận A), Thành phố H.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2024, bản tự khai, cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày:

Ngày 12/5/2023, bà Nguyễn Thanh X1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Nguyễn Thanh X1, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thanh X1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 150.130.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thanh X1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 104.895.178 (Thứ tự thanh toán theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà X1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà X1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), ngày 06/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện Kịch bản sử dụng Thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 57.064.076 đồng sang nợ quá hạn (gọi là nợ gốc) và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Từ ngày 06/12/2023 đến ngày 30/9/2025 bà X1 đã thanh toán vào thẻ tín dụng số tiền là 3.544.528 đồng nên dư nợ gốc còn lại là 53.519.548 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu bà X1 có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà X1 trả nợ, tuy nhiên bà X1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã ký tại Hợp đồng

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

Buộc bà Nguyễn Thanh X1 phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2025 là 98.598.895 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 53.519.548 đồng; Lãi quá hạn là: 45.079.347 đồng.

Và bà Nguyễn Thanh X1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập các đương sự để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn liên tục vắng mặt và Tòa án không nhận được bất kỳ văn bản nào ghi nhận ý kiến, yêu cầu của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thanh X1 phải trả tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của bà Nguyễn Thanh X1 ký ngày 12/5/2023, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thanh X1 có địa chỉ tại 139 Đường TTN01, khu phố 39, phường Đ(cũ là tổ 77, khu phố 7, phường TN, Quận A), Thành phố H, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận A (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 7), Thành phố H.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hợp đồng tín dụng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của Bà Nguyễn Thanh X1 ký ngày 12/5/2023 với ngân hàng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thể hiện bà X1 có sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, loại thẻ: Visa Platinum Cashback, hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng, mục đích: Tiêu dùng cá nhân. Lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng.

Nguyên đơn và bà X1 giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ theo quy định tại các Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng thì hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các bên thỏa thuận.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh X1 được niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không đến tòa để trình bày, cung cấp chứng cứ. Do đó, việc bà X1 không đến tòa tức tự khước từ quyền được trình bày những lý lẽ, khước từ quyền được tiếp cận công khai chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không thực hiện nghĩa vụ giao nộp tài liệu chứng cứ (nếu có) để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định pháp luật.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chỉ xem xét và mặc nhiên công nhận lời khai và các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình.

[3.2] Về số tiền nợ của thẻ tín dụng:

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thanh X1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 150.130.000 đồng. Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thanh X1 đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 104.895.178 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà X1 đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 06/12/2023 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn của bà X1. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 57.064.076 đồng sang nợ quá hạn (gọi là nợ gốc) và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Từ ngày 06/12/2023 đến ngày 30/9/2025 bà X1 đã thanh toán vào thẻ tín dụng số tiền là 3.544.528 đồng nên dư nợ gốc còn lại là 53.519.548 đồng. Tính đến ngày 30/9/2025 bà X1 còn nợ ngân hàng số tiền là 98.598.895 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 53.519.548 đồng; Lãi quá hạn là: 45.079.347 đồng.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy Ngân hàng Thương mại Cổ

phần S áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay là phù hợp với nội dung thỏa thuận giữa các bên và với quy định của pháp luật nên việc ngân hàng yêu cầu bà X1 thanh toán các khoản tiền lãi trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà X1 phải thanh toán một lần số tiền gốc và lãi 98.598.895 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2025 cho đến khi trả dứt nợ gốc và tiền lãi theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.806.878 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042234 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố H (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố H).

Bị đơn bà Nguyễn Thanh X1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.929.945 đồng. Nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc Bà Nguyễn Thanh X1 phải thanh toán một lần cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 30/9/2025 là: 98.598.895 (chín mươi tám triệu năm trăm chín mươi tám nghìn tám trăm chín mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là: 53.519.548 (năm mươi ba triệu năm trăm mười chín nghìn năm trăm bốn mươi tám) đồng; lãi quá hạn là: 45.079.347 (bốn mươi lăm

triệu không trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi bảy) đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 01/10/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thanh X1 còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh X1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.929.945 (bốn triệu chín trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi lăm) đồng. Nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 1.806.878 (một triệu tám trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bảy mươi tám) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042234 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố H (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Thành phố H).

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND Khu vực 7 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị L1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị L1